

Bản án số: **08/2023/HS-ST**

Ngày: 12-12-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nhơn

Ông Bùi Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. *Họ và tên:* Đinh Thiên D; sinh ngày: 21/4/1998 tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Minh T và bà Nguyễn Thị Ái N; vợ: Bùi Thị Lệ T1; con: Có 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 26/12/2022, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q khởi tố về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam trong vụ án khác. Bị cáo đang giam, có mặt tại phiên tòa.

2. *Họ và tên:* Nguyễn Thị Ngọc G; sinh ngày 10 tháng 02 năm 2001 tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị Quỳnh T2, không

rõ cha; chồng: Phạm Văn T3; con: Có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/02/2023 đến nay. Bị cáo đang giam, có mặt tại phiên tòa.

3. *Họ và tên:* Nguyễn Thị Kiều O; sinh ngày 26 tháng 02 năm 2001 tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ D, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T4 và bà Kiều Thị L; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/6/2023 đến nay. Bị cáo đang giam, có mặt tại phiên tòa.

*** *Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo*** Đinh Thiên D: Ông Trịnh Văn H – Luật sư Văn phòng L2, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q; có mặt.

*** *Người bào chữa theo luật định cho bị cáo*** Nguyễn Thị Ngọc G: Bà Phạm Thị Bích C – Luật sư Công ty L3, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ; vắng mặt.

*** *Người bào chữa theo luật định cho bị cáo*** Nguyễn Thị Kiều O: Bà Phan Thị Bích X – Luật sư Văn phòng L4, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q; vắng mặt.

*** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Anh Phan Văn N1, sinh năm: 1997;

Trú tại: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

- Bà Võ Thị T5, sinh năm: 1970;

Trú tại: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 03/02/2023, tại cảng S thuộc xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q tiến hành bắt theo lệnh truy nã đối với Đinh Thiên D khi D đang cùng bạn gái là Nguyễn Thị Kiều O ôm thùng xốp chuẩn bị lên xe taxi. Cơ quan điều tra đưa D cùng các đồ vật, tài sản liên quan về Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q làm việc. Tại đây, D khai nhận đang cất giấu 65 viên ma túy “kẹo” trong thùng xốp. Cơ quan điều tra tiến hành tạm giữ, niêm phong 01 túi nylon màu trắng, viên đỏ, bên trong chứa 65 viên nén màu xanh, không rõ hình dạng mà D khai là ma túy “kẹo”.

Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày Công an thành phố Q tiến hành kiểm tra dãy nhà trọ của ông Hồ Văn D1 tại hẻm D đường N, tổ B, phường N, thành phố Q, nơi Nguyễn Thị Kiều O thuê trọ cùng với bạn là Nguyễn Thị Ngọc G. Tại đây, G đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Công an 01 túi ni lông màu đen, bên trong chứa: 01 túi ni lông màu đỏ chứa những hạt tinh thể màu trắng, 02 túi ni lông màu đỏ, bên trong chứa những hạt tinh thể dạng rắn (G khai là ma túy “khay”) và 01 túi ni lông màu trắng bên trong chứa 02 túi ni lông, trong đó có 01 túi ni lông chứa 08 viên nén màu xanh, không rõ hình dạng, kích thước; 01 túi ni lông chứa 05 viên nén màu vàng, không rõ hình dạng, kích thước (G khai là ma túy “kẹo”).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Thị Ngọc G và tạm giữ, niêm phong các đồ vật, tài liệu có liên quan.

Quá trình điều tra xác định: Cuối năm 2022, Đinh Thiên D vào Thành phố Hồ Chí Minh học nghề xăm, có quen biết với đối tượng bán ma túy tên V (Không rõ nhân thân, lai lịch). Do lúc này không có việc làm ổn định và muốn có nhiều tiền để tiêu xài nên D nảy sinh ý định mua ma túy rồi chia nhỏ, bán lại cho những người sử dụng ma túy khác kiếm tiền lời. Sau khi thỏa thuận, đối tượng V đồng ý bán ma túy cho D với giá ma túy “kẹo” giá 200.000 đồng/viên, một hộp năm (05 gam) ma túy “khay” giá 3.500.000 đồng; D bán lại ma túy cho người khác với giá 230.000 đồng/viên ma túy “kẹo”, một hộp năm ma túy “khay” giá 4.000.000 đồng. D là người chủ động rủ rê O và G tham gia cùng D bán ma túy cho người khác kiếm tiền lời; cả ba thống nhất D là người liên hệ mua ma túy, G và O là người bán ma túy cho D và sẽ được D “trả công” bằng hình thức cho tiền để trả tiền thuê phòng trọ và tiêu xài cá nhân.

Từ ngày 20/01/2023 (ngày 29/12/2022 âm lịch) đến ngày 03/02/2023 (ngày 13/01/2023 âm lịch), Đinh Thiên D đã thực hiện 03 lần mua ma túy của đối tượng V đem về phòng trọ tại hẻm D đường N, tổ B, phường N, thành phố Q phân chia để bán lại cho những người sử dụng ma túy kiếm lời. D, O và G đều khai nhận đã nhiều lần bán trái phép chất ma túy nhưng cụ thể số lần, địa điểm, số tiền và nhân thân lai lịch người mua ma túy thì không nhớ chính xác; quá trình điều tra chỉ xác định được số lần mua bán ma túy cụ thể như sau:

Vào cuối tháng 01/2023 (Cuối năm 2022 âm lịch), D đang ở tại Thành phố Hồ Chí Minh, sử dụng sim điện thoại số 0347376533 liên lạc với đối tượng V qua sim điện thoại số 0907004159 (D lưu trong danh bạ điện thoại với tên là “Pn Vương”) đặt mua của V 20 viên ma túy “kẹo” giá 4.000.000 đồng và 01 một hộp mười (10 gam) ma túy “khay” với giá 7.000.000 đồng, tổng cộng là 11.000.000 đồng. Sau đó, có một người đàn ông bịt khẩu trang giao ma túy cho D và D đã trả tiền mặt cho người này (D không biết người

đàn ông này có phải là V hay không) tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng cụ thể địa điểm nào thì D không còn nhớ. Ngày 19/01/2023 (Ngày 28/12 âm lịch), D giấu ma túy trong hành lý rồi đón xe khách về thành phố Q vào lúc sáng sớm ngày 20/01/2023. D mang số ma túy về phòng trọ, sau đó cùng O, G phân chia ma túy vào các túi ni lông nhỏ và D đem cất giấu số ma túy đã phân trong túi áo choàng treo ngoài hiên phía trước phòng trọ và thống nhất khi có người mua thì D báo cho O hoặc G lấy ma túy ở đây để giao cho khách và lấy tiền.

Lần 1: Khoảng 21-22 giờ ngày 25/01/2023 (ngày mùng 4 Tết Nguyên đán), khi có đối tượng nam thanh niên đặt mua ma túy (Không rõ nhân thân, lai lịch), D bảo O lấy nửa hộp năm ma túy “khay” và ma túy “kẹo” (Không nhớ bao nhiêu viên ma túy “kẹo”) đến vòng xoay L - Nguyễn Công P ở thành phố Q giao cho người mua ma túy rồi lấy tiền; O đem ma túy đến giao cho người thanh niên lấy số tiền 2.500.000 đồng đem về phòng trọ đưa cho D.

Lần 2: Vào ngày 26/01/2023 đối tượng tên D1 ở huyện L (Không rõ nhân thân, lai lịch) gọi điện thoại cho D đặt mua ma túy, D1 mua 100 viên ma túy “kẹo” giá 23.000.000 đồng và 01 hộp mười ma túy “khay” với giá 8.000.000 đồng. D gọi điện thoại cho V đặt mua 115 viên ma túy “kẹo” và 01 hộp mười ma túy “khay” và báo sẽ chuyển tiền cho V sau, V đồng ý đến khoảng 10 giờ ngày 27/01/2023, D đến nhà xe Mười Phương (tại bến xe Q) nhận số ma túy do V chuyển về và đem về phòng trọ phân ra 100 viên ma túy “kẹo” và 01 hộp mười ma túy “khay” bỏ vào hộp đựng mỹ phẩm, còn lại 15 viên ma túy “kẹo” thì bỏ vào túi áo choàng để trước phòng trọ để bán lẻ, lúc D đem ma túy về phòng trọ và phân ma túy thì có O tại phòng trọ. Khoảng 21 giờ cùng ngày, D nhận điện thoại của một thanh niên hỏi mua ma túy nên D bảo O lấy nửa hộp năm ma túy “khay” và ma túy “kẹo” (Không nhớ bao nhiêu viên ma túy “kẹo”) đến quán Sa Kê trên đường P giao cho khách, tiền thì khách sẽ chuyển trả sau cho D; O đem ma túy đi giao cho người thanh niên này xong rồi về lại phòng trọ.

Khoảng 14 giờ ngày 28/01/2023, D cùng với G và O gọi xe taxi đi xuống cảng S để ra L bán ma túy, trước khi lên xe taxi D đưa hộp mỹ phẩm có chứa ma túy cho G cầm; O và G đều biết rõ bên trong hộp mỹ phẩm này có chứa ma túy nhưng không biết số lượng ma túy là bao nhiêu. Khi ra đến cảng L thì G và O đến nhà nghỉ (Không nhớ nhà nghỉ tên gì, ở đâu) còn D là người cầm hộp mỹ phẩm chứa ma túy đi giao cho D1 tại bãi đất trống ở L (Không xác định được vị trí cụ thể), D đưa số tài khoản của V (Đã gửi qua tin nhắn cho D) để D1 chuyển khoản trả cho V số tiền 30.000.000 đồng, còn D1 trả cho D 1.000.000 đồng tiền mặt; tiền lời bán ma túy D xác định là 1.000.000 đồng và 15 viên ma túy “kẹo”. Đến ngày 02/02/2023 (ngày 12 Tết nguyên đán) D1 gọi điện thoại cho D nói trong số ma túy đã mua có 65 viên ma túy

“kẹo” không đảm bảo chất lượng nên yêu cầu đổi lại và D đồng ý nhận lại 65 viên ma túy “kẹo” này tại bãi đất trống (nơi D đã giao ma túy cho D1). D đem về nhà nghỉ giấu ở phía trước nhà nghỉ, sau đó D giấu ma túy trong bịch nilong màu đen bỏ vào thùng xốp cùng với số cá tươi mua tại L để đem về thành phố Q; ngày 03/02/2023 D mang thùng xốp có chứa ma túy cùng với O từ L về đến cảng S thì bị Công an thành phố Q bắt theo lệnh truy nã về tội cố ý gây thương tích trước đó và thu giữ toàn bộ 65 viên ma túy “kẹo” mang theo.

Lần 3: Trước đó, khoảng trưa ngày 29/01/2023 (Mùng 8 Tết Nguyên đán) đối tượng tên T6 (Không rõ nhân thân, lai lịch) ở L gọi điện thoại cho D đặt mua 50 viên ma túy “kẹo” và 01 hộp năm ma túy “khay”, D và T6 thống nhất giá 50 viên ma túy “kẹo” là 11.500.000 đồng, 01 hộp năm ma túy “khay” là 4.000.000 đồng. D gọi điện thoại cho V đặt mua 65 viên ma túy “kẹo” và 01 hộp năm ma túy “khay” và cũng báo sẽ chuyển trả tiền sau. Khoảng 10 giờ ngày 31/01/2023 nhà xe Mười P1 gọi điện cho D để nhận hàng thì D gọi điện báo G đến nhà xe Mười P1 nhận ma túy (Ngày 30/01/2023 G từ L về lại thành phố Q còn D và O vẫn ở lại L để chơi); G nhận gói ma túy đem về phòng trọ rồi gọi điện thoại cho D báo đã nhận ma túy, D bảo G lấy ra 15 viên ma túy “kẹo” để lại bán lẻ còn 50 viên ma túy “kẹo” và 01 hộp năm ma túy “khay” dùng băng keo quấn lại bỏ trong thân con gà đã được làm sẵn, cho vào thùng xốp ghi số điện thoại của T6 bên ngoài rồi gửi ra L. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, T6 đến cảng L nhận ma túy, D chuyển số tài khoản của V cho T6 để T6 chuyển số tiền 15.500.000 đồng cho V, còn lại 1.000.000 đồng D chuyển cho V bằng cách nộp tiền mặt tại chỗ chuyển tiền nhanh.

Lần 4: Khoảng 19 giờ ngày 30/01/2023 (Mùng 9 Tết Nguyên đán), Phan Văn N1 gọi điện thoại cho G hỏi mua nửa hộp năm ma túy “khay” và 02 viên ma túy “kẹo”, G gọi điện thoại báo với D và D đồng ý bán ma túy với giá 3.000.000 đồng và cho N1 mượn thêm 3.000.000 đồng để trả tiền hát karaoke; G đón xe taxi giao ma túy cho N1 tại quán K1 ở đường T, thành phố Q và N1 đưa xe máy biển số 76E1- 42416 cho G đem về phòng trọ cất giữ.

Lần 5: Ngày 02/02/2023, nam thanh niên có tên thường gọi “A Lâu” (Không rõ nhân thân, lai lịch) gọi điện thoại cho D đặt mua ma túy, lúc này D vẫn đang ở L nên gọi điện cho G và G đã giao nửa hộp năm ma túy “khay” và ma túy “kẹo” (không nhớ bao nhiêu viên ma túy “kẹo”) cho A L1 tại trước số nhà A N, thành phố Q và lấy số tiền 2.000.000 đồng. Đến ngày 03/02/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q đã tiến hành khám xét và thu giữ số ma túy tại áo choàng để trước phòng trọ như đã nêu trên, đây là số ma túy mà D mua về chia nhỏ để bán lẻ còn lại.

Tại kết luận giám định số 193/KL-KTHS ngày 24/02/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh Q, kết luận: 65 viên nén màu xanh không rõ hình dạng bên

trong túi niêm phong gửi giám định là ma túy, loại MDMA, khối lượng mẫu: 32,41 gam.

Tại Kết luận giám định số 154/KL-KTHS ngày 11/02/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh Q, kết luận: Chất rắn dạng tinh thể màu trắng bên trong 01 túi nilon màu đỏ là ma túy, loại Ketamine, khối lượng mẫu 0,11 gam; 08 viên nén màu xanh không rõ hình dạng là ma túy, loại MDMA, khối lượng mẫu: 3,99 gam; 05 viên nén màu vàng không rõ hình dạng là ma túy, loại MDMA, khối lượng mẫu: 2,34 gam; chất rắn dạng tinh thể màu trắng bên trong 02 túi nilon màu đỏ là ma túy, loại Ketamine, khối lượng mẫu 0,60 gam. Tổng khối lượng mẫu ma túy bên trong phong bì gửi giám định là loại Ketamine, khối lượng 0,71 gam; tổng khối lượng mẫu ma túy bên trong phong bì gửi giám định là loại MDMA, khối lượng 6,33 gam.

Như vậy, tổng khối lượng mẫu ma túy loại MDMA là 38,74 gam và loại Ketamine 0,71 gam.

MDMA là chất ma túy nằm trong danh mục IB, STT 11 Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ;

K là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 247 Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ;

Tại bản cáo trạng số 78/CT-VKS ngày 23/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố các bị cáo Đinh Thiên Duy, Nguyễn Thị Ngọc Giàu, Nguyễn Thị Kiều O về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Đinh Thiên D, Nguyễn Thị Ngọc G, Nguyễn Thị Kiều O phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đinh Thiên D từ 16 năm đến 17 năm tù.

Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G từ 15 năm đến 16 năm tù.

Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kiều O từ 15 năm đến 16 năm tù.

- Về xử lý vật chứng:

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (Một) bì niêm phong, số 193/KTHS-(GD2023), mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 (Một) túi niêm phong, mã số NS3 – 2000368, mẫu vật hoàn lại sau giám định; 02 (Hai) mảnh khăn màu trắng; 01 (Một) mảnh ni lông màu đen; 01 (Một) thùng xốp màu vàng; 01 (Một) áo choàng.

Đối với 01 (Một) điện thoại di động Iphone, 01 (Một) điện thoại di động N2; 01 (Một) điện thoại di động Iphone của Đinh Thiên D; 01 (Một) điện thoại di động Iphone của Nguyễn Thị Kiều O; số tiền 2.900.000 đồng; gồm: thu giữ của Đinh Thiên D 1.100.000 đồng và Nguyễn Thị Ngọc G 1.800.000 đồng. Đây là phương tiện phạm tội và tiền có được từ việc phạm tội nên đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước.

01 (Một) xe mô tô biển số 76K4-2537 của Nguyễn Thị Ngọc G, không liên quan đến việc phạm tội nên đề nghị trả lại cho bị cáo.

01 (Một) xe mô tô biển số 76E1-424.16 của bà Võ Thị T5, không liên quan đến việc phạm tội nên đề nghị trả lại cho bà T5.

01 (Một) thẻ card màu đen có dòng chữ “MB VISA” không liên quan đến vụ án nên đề nghị trả lại cho bị cáo Đinh Thiên D.

** Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Đinh Thiên D tại phiên tòa (Luật sư Trịnh Văn H):*

Thông nhất về tội danh và khung hình phạt như cáo trạng truy tố đối với bị cáo Đinh Thiên D. Tuy nhiên, mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là quá nặng. Bị cáo sinh ra trong gia đình thuần nông, ít hiểu biết pháp luật, bị cáo có con nhỏ, cha già, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn. Ngày 03/02/2023, khi Cơ quan điều tra bắt bị cáo tại Cảng S là bắt truy nã đối với tội cố ý gây thương tích, khi bắt bị cáo đưa về Công an xã T, thành phố Q, Cơ quan điều tra không phát hiện có ma túy. Khi đưa bị cáo về Công an thành phố Q, bị cáo tự nguyện khai nhận có ma túy bên trong thùng xốp thì Cơ quan điều tra mới kiểm tra, phát hiện có ma túy. Sau đó bị cáo tiếp tục tự nguyện khai có cất giấu ma túy tại phòng trọ, nên Cơ quan điều tra tiến hành khám xét phòng trọ và bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G tự nguyện giao nộp số ma túy đang cất giữ, do đó hành vi của bị cáo Đinh Thiên D là tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm giúp phát hiện tội phạm và đồng phạm khác, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có bà nội ruột, ông nội thúc và mẹ ruột là người có công cách mạng.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đinh Thiên D từ 15 năm đến 15 năm 06 tháng tù.

* *Luận cứ bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G (Luật sư Phạm Thị Bích C):*

Cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo chỉ là người làm thuê cho bị cáo Đinh Thiên D và được bị cáo D trả tiền, bị cáo không dùng tiền của mình để mua ma túy từ đối tượng V ở Thành phố Hồ Chí Minh, cũng như việc quyết định bán cho người nào và quyết định giá tiền bán ma túy. Bị cáo Giàu có con nhỏ sinh năm 2020, áp lực kinh tế đè nặng lên vai bị cáo nên bị cáo mới làm thuê cho bị cáo Đinh Thiên D để có tiền trả tiền nhà trọ và mua tã, sữa cho con nhỏ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt liền kề nhẹ hơn, để bị cáo có điều kiện về chăm sóc con trai nhỏ, hòa nhập với cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[I] Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Đối với việc vắng mặt người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G, Nguyễn Thị Kiều O, các bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa. Xét thấy, việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 291; Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định xét xử.

[II] Về nội dung:

[1] Xét hành vi của các bị cáo Đinh Thiên D, Nguyễn Thị Ngọc G, Nguyễn Thị Kiều O:

Do cần tiền tiêu xài, bị cáo Đinh Thiên D đã rủ các bị cáo Nguyễn Thị Kiều O, Nguyễn Thị Ngọc G cùng mua bán trái phép chất ma túy để thu lợi bất chính thì các bị cáo đều đồng ý. Trong khoảng thời gian từ ngày 19/01/2023 đến ngày 03/02/2023, bị cáo Đinh Thiên D nhiều lần mua ma túy của một người tên V (Không rõ nhân thân, lai lịch) ở Thành phố Hồ Chí Minh đưa về Quảng Ngãi, sau đó cùng các bị cáo Nguyễn Thị Kiều O, Nguyễn Thị Ngọc G chia nhỏ để bán cho các đối tượng nghiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Đến ngày 03/02/2023, tại Cảng S, thuộc xã B, huyện B, khi bị cáo Đinh Thiên D đang cùng bị cáo Nguyễn Thị Kiều O khiêng thùng xốp bên trong có chứa chất ma túy thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q bắt quả tang thu giữ 32,41 gam ma túy loại MDMA.

Khám xét chỗ ở của các bị cáo Nguyễn Thị Kiều O, Nguyễn Thị Ngọc G tại hẻm D N, thành phố Q, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ 0,71 gam ma túy loại Ketamin; 6,33 gam ma túy loại MDMA.

Như vậy, tổng khối lượng ma túy các bị cáo bị bắt quả tang là 38,74 gam MDMA; 0,71 gam Ketamine.

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng chất ma túy tại một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015 thì tỷ lệ phần trăm về khối lượng các loại ma túy như sau: Ma túy loại MDMA 38,74%, Ketamine 0,24%. Tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của các chất ma túy là 38,98% (Dưới 100%)

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố các bị cáo Đinh Thiên D, Nguyễn Thị Ngọc G, Nguyễn Thị Kiều O về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo:

[2.1] Đối với bị cáo Đinh Thiên D: Bị cáo là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác cùng tham gia mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo là người trực tiếp mua ma túy từ người tên V để bán lại cho các đối tượng nghiện. Bị cáo là người liên lạc với người mua ma túy, chỉ đạo các bị cáo Nguyễn Thị Kiều O, Nguyễn Thị Ngọc G đi giao ma túy và thu tiền. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm nhất nên cần xử phạt mức án nghiêm khắc hơn các bị cáo khác để răn đe, giáo dục.

[2.2] Đối với các bị cáo Nguyễn Thị Kiều O, Nguyễn Thị Ngọc G: Các bị cáo đồng ý cùng bị cáo Đinh Thiên D mua bán trái phép chất ma túy để được bị cáo Đinh Thiên D cho tiền tiêu xài. Các bị cáo là người phân chia ma túy thành túi nhỏ, nhiều lần đi giao ma túy cho người mua và lấy tiền đem về

cho bị cáo Đinh Thiên D. Hành vi của các bị cáo là người thực hành tích cực trong vụ án.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Gia đình bị cáo Đinh Thiên D có công cách mạng nên được áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3.2] Người bào chữa của bị cáo Đinh Thiên D đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Tuy nhiên, việc bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội đã thực hiện trong vụ án này không phải là người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện hoặc điều tra tội phạm mà là thành khẩn khai báo. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo là phù hợp.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Đối với Phan Văn N1: Đây là đối tượng mua ma túy của các bị cáo để sử dụng. Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ về Công an huyện T xử lý về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên không xem xét trách nhiệm trong vụ án này.

[5] Đối với người thanh niên tên V bán ma túy cho bị cáo Đinh Thiên D. Cơ quan điều tra đã điều tra, xác minh chủ thuê bao số điện thoại 0907004159 là của Bùi Tấn V1, sinh năm 1997, trú tại: Xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên, hiện nay Bùi Tấn V1 không có mặt tại địa phương, không xác định được V1 đang ở đâu. Số tài khoản D chuyển tiền mua ma túy cho V1 đã bị D xóa, D cũng không nhớ số tài khoản này. Do đó, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh để xử lý sau.

[6] Đối với những người tên D1, T6, A L1 và những người khác mua ma túy của các bị cáo. Cơ quan điều tra đã điều tra, xác minh nhưng chưa xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể của những người này. Do đó, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh để xử lý sau.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với ma túy còn lại sau giám định, là vật cấm tàng trữ, lưu hành; các vật không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy gồm:

+ 01 (Một) bì niêm phong, số 193/KTHS(GĐ-2023), mẫu vật hoàn lại sau giám định, bên ngoài có đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh Q và chữ ký xác nhận của Trương Văn H1, Nguyễn Văn D2, Đường K.

+ 01 (Một) túi niêm phong, mã số NS3 – 2000368, mẫu vật hoàn lại sau giám định bên ngoài có đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh Q và chữ ký xác nhận của Trương Văn H1, Nguyễn Văn D2, Đường K.

+ 02 (Hai) mảnh khăn màu trắng;

+ 01 (Một) mảnh ni lông màu đen;

+ 01 (Một) thùng xốp màu vàng;

+ 01 (Một) áo choàng.

- Đối với các vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước gồm:

+ 01 điện thoại Iphone và 01 điện thoại Nokia của Nguyễn Thị Ngọc G đựng bên trong 01 (Một) túi niêm phong Ký hiệu PS2 – 041518, bên ngoài có đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh Q và chữ ký xác nhận của Nguyễn Thế A.

+ 01 điện thoại di động Iphone của Đinh Thiên D đựng bên trong 01 (Một) phong bì niêm phong số: 467/KL-KTHS, bên ngoài có đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh Q và chữ ký xác nhận của Võ Quang H2.

+ 01 điện thoại di động Iphone của Nguyễn Thị Kiều O đựng bên trong 01 (Một) phong bì niêm phong số: 469/KL-KTHS, bên ngoài có đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh Q và chữ ký xác nhận của Nguyễn Thế A.

- Trả lại cho chủ sở hữu các tài sản sau:

+ 01 (Một) thẻ card màu đen có dòng chữ “MB VISA” của bị cáo Đinh Thiên D, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

+ 01 (Một) xe mô tô biển số 76E1-42416 của bà Võ Thị T5, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bà T5.

+ 01 (Một) xe mô tô biển số 76K4-2537 của bà Nguyễn Thị Trà G1 là di của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G cho bị cáo. Bị cáo không sử dụng vào việc mua bán ma túy. Bị cáo Nguyễn Thị Kiều O có sử dụng chiếc xe này để đi giao ma túy nhưng bị cáo G không biết. Do đó, trả lại chiếc xe này cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/11/2023 giữa Công an tỉnh Q và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi).

- Số tiền 2.900.000 đồng (Hai triệu chín trăm ngàn đồng) của các bị cáo Đinh Thiên D, Nguyễn Thị Ngọc Giàu c được từ việc mua bán trái phép chất ma túy nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

(Theo Ủy nhiệm chi lập ngày 06/11/2023 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Q, từ tài khoản của Phòng PC04 - Công an tỉnh Q sang tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi).

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đề nghị của người bào chữa được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Đinh Thiên D, Nguyễn Thị Ngọc G, Nguyễn Thị Kiều O bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Đinh Thiên D, Nguyễn Thị Ngọc G, Nguyễn Thị Kiều O phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng: điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Thiên D **16 (Mười sáu) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Áp dụng: điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Kiều O **15 (Mười lăm) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (Ngày 02/6/2023).

- Áp dụng: điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G **15 (Mười lăm) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 03/02/2023).

2. *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (Một) bì niêm phong, số 193/KTHS(GĐ-2023), mẫu vật hoàn lại sau giám định, bên ngoài có đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh Q và chữ ký xác nhận của Trương Văn H1, Nguyễn Văn D2, Đường K.

+ 01 (Một) túi niêm phong, mã số NS3 – 2000368, mẫu vật hoàn lại sau giám định bên ngoài có đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh Q và chữ ký xác nhận của Trương Văn H1, Nguyễn Văn D2, Đường K.

+ 02 (Hai) mảnh khăn màu trắng;

+ 01 (Một) mảnh ni lông màu đen;

+ 01 (Một) thùng xốp màu vàng;

+ 01 (Một) áo choàng.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/11/2023 giữa Công an tỉnh Q và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi).

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước:

+ 01 điện thoại Iphone và 01 điện thoại Nokia của Nguyễn Thị Ngọc G đựng bên trong 01 (Một) túi niêm phong Ký hiệu PS2 – 041518, bên ngoài có đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh Q và chữ ký xác nhận của Nguyễn Thế A.

+ 01 điện thoại di động Iphone của Đinh Thiên D đựng bên trong 01 (Một) phong bì niêm phong số: 467/KL-KTHS, bên ngoài có đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh Q và chữ ký xác nhận của Võ Quang H2.

+ 01 điện thoại di động Iphone của Nguyễn Thị Kiều O đựng bên trong 01 (Một) phong bì niêm phong số: 469/KL-KTHS, bên ngoài có đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh Q và chữ ký xác nhận của Nguyễn Thế A.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/11/2023 giữa Công an tỉnh Q và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi).

+ Số tiền 2.900.000 đồng (Hai triệu chín trăm ngàn đồng) của các bị cáo Đinh Thiên D, Nguyễn Thị Ngọc G.

(Theo Ủy nhiệm chi lập ngày 06/11/2023 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Q, từ tài khoản của Phòng PC04 - Công an tỉnh Q sang tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi).

- Trả lại cho bị cáo Đinh Thiên D: 01 (Một) thẻ card màu đen có dòng chữ “MB VISA”.

- Trả lại cho bà Võ Thị T5: 01 (Một) xe mô tô biển số 76E1-42416.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc G: 01 (Một) xe mô tô biển số 76K4-2537.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/11/2023 giữa Công an tỉnh Q và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi).

3. *Về án phí*: Các bị cáo Đinh Thiên D, Nguyễn Thị Ngọc G, Nguyễn Thị Kiều O mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Những người TGTT;
- Lưu HSVA, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Mỹ Giang